TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17-8-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Thanh Tú

Ông Nguyễn Kim San

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 142/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2713/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị C, sinh năm 1981; nơi cư trú: Xóm Đ, xã M, huyện TN, Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Y, sinh năm 1961; nơi cư trú: Số A, đoạn B, đường BD, xóm 001, thôn HK, xã HK, lãnh thổ Đài Loan; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, lời khai của nguyên đơn và lời khai được lập ngày 31/5/2018 của anh Y (gửi về cho Tòa án thông qua việc ủy thác tư pháp) trình bày nội dung sau:

Chị C và anh Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện có giấy chứng nhận kết hôn tại UBND thành phố Hải Phòng vào ngày 08 tháng 7 năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Việt Nam thời gian rất ngắn, sau đó anh Y về nước bảo lãnh cho chị C sang đoàn tụ nhưng đến nay không có kết quả. Do xa cách địa lý, không có khả năng đoàn tụ. Nay chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn với anh Y. Anh Y cũng đồng ý ly hôn với chị C.

Về con chung và tài sản chung: Vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; anh Y không có ý kiến thay đổi lời khai đã gửi cho Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị C được ly hôn anh Y, không xem xét về con chung, tài sản chung vì chị Ch và anh Y không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1]. Anh Y hiện đang cư trú tại Đài Loan nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng; Tòa án xét xử vắng mặt anh Y(có đề nghị xét xử vắng mặt) theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[2]. Xác định quan hệ hôn nhân: Chị C và anh Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND thành phố Hải Phòng ngày 08 tháng 7 năm 2011 theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Quá trình chung sống: Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, hai bên đã sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau về mọi mặt. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, các bên đều tự nguyện được ly hôn nên cần chấp nhận xử cho chị C được ly hôn với anh Y theo quy định tại Điêu 51, Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4]. Về con chung và tài sản chung: Chị C và anh Y. không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xen xét giải quyết.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp: Chị C là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị C và anh Y được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị C được ly hôn với anh Y.

2. Về con chung và tài sản chung: Chị C và anh Y không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm . Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003934 ngày 09 tháng 10 năm 2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị C đã nộp đủ.

4. Về lệ phí ủy thác tư pháp: Chị C phải chịu 400.000 đồng tiền phí ủy thác tư pháp nhưng được trừ vào 400.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp đã nộp theo các biên lai số 0003984; 0003986 ngày 06 tháng 11 năm 2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị C đã nộp đủ tiền phí ủy thác tư pháp.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hải Phòng;
- Cục THADS TP. Hải Phòng;
- UBND TP. Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Thủy